

Số: **1436/QĐ-UBND**

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Đường vào đập tràn Vực Bà, huyện Bình Sơn**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1231/QĐ-UBND ngày 29/6/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án Đường vào đập tràn Vực Bà, huyện Bình Sơn;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 26/10/2017 và Quyết định số 923/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt và điều chỉnh thời gian dự án Đường vào đập tràn Vực Bà, huyện Bình Sơn;

Theo đề nghị của UBND huyện Bình Sơn tại Tờ trình số 112/TTr-UBND ngày 26/7/2022; đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính tại Báo cáo thẩm tra số 246/BC-STC ngày 11/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Tên dự án: Đường vào đập tràn Vực Bà, huyện Bình Sơn.
- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn.
- Địa điểm xây dựng: Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
- Thời gian khởi công tháng 9/2018 - hoàn thành tháng 03/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

1. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc dự toán phê duyệt lần cuối	Giá trị quyết toán
Tổng số	15.000.000.000	12.688.253.000
Chi phí giải phóng mặt bằng	2.856.350.994	2.712.808.000
Chi phí xây dựng	8.355.369.375	8.300.397.000
Chi phí quản lý dự án	219.267.382	219.267.000
Chi phí tư vấn	1.027.375.062	1.021.967.000
Chi phí khác	521.958.738	433.814.000
Dự phòng	2.019.678.449	0

(Chi tiết có Phụ lục I kèm theo)

2. Nguồn vốn đầu tư:

Đơn vị tính: 1000 đồng

Nguồn vốn	Tổng mức đầu tư được duyệt hoặc dự toán phê duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Đã thanh toán	Thu hồi nộp NSNN	Còn được thanh toán
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng số	15.000.000	12.688.253	12.200.000	9.160	497.413
Ngân sách tỉnh	15.000.000	12.688.253	12.200.000	9.160	497.413

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Công trình thuộc chủ đầu tư quản lý		Công trình giao đơn vị khác quản lý	
	Thực tế	Quy đổi	Thực tế	Quy đổi
Tổng số	0		12.688.253.000	
1. Tài sản cố định	0		12.688.253.000	
2. Tài sản lưu động	0		0	

4. Chi phí đầu tư thiệt hại được phép không tính vào giá trị tài sản: 0 đồng.

a) Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: 0 đồng.

b) Chi phí không tạo nên tài sản: 0 đồng.

5. Vật tư thiết bị tồn đọng: Không có

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

a) Được phép tất toán chi phí và vốn đầu tư là:

Nguồn vốn	Số tiền (đồng)	Ghi chú
Tổng cộng	12.688.253.000	
Ngân sách tỉnh	12.688.253.000	

b) Tổng các khoản công nợ tính đến thời điểm thẩm tra:

Trong đó: - Nợ phải thu: 9.160.000 đồng
 - Nợ phải trả: 497.413.000 đồng

(Chi tiết có Phụ lục số II kèm theo)

- Xử lý công nợ: Thu hồi nộp ngân sách tỉnh số tiền 9.160.000 đồng; đồng thời, trình cấp thẩm quyền bố trí ngân sách tỉnh trả nợ dự án 497.413.000 đồng.

2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản cố định (đồng)	Tài sản lưu động (đồng)
UBND xã Bình Minh (huyện Bình Sơn)	12.688.253.000	0

3. Ủy ban nhân dân huyện Bình Sơn (chủ đầu tư) chịu trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung theo Báo cáo kết quả thẩm tra quyết toán công trình hoàn thành số 246/BC-STC ngày 11/10/2022 của Sở Tài chính và nội dung quyết toán chi phí hoàn thành được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND huyện Bình Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: PCVP, KT-TH, CB-TH;
- Lưu: VT, KTN (Vũ 1038).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Tuấn
Trần Hoàng Tuấn



Phụ lục số 1

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ ĐẦU TƯ ĐƯỢC QUYẾT TOÁN
ÁN DƯƠNG VÀO ĐẬP TRẦN VỰC BÀ, HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1436 /QĐ-UBND ngày 19 /10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Trong đó	
					Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
1	2	3	4	5	6	7
I	Chi phí BT, HT GPMB	2.856.350.994	2.712.808.000	2.712.808.000	-143.542.994	0
1	Bồi thường HT trực tiếp	2.633.795.292	2.633.795.000	2.633.795.000	-292	0
2	Phục vụ bồi thường	79.013.859	79.013.000	79.013.000	-859	0
3	Dự phòng và không thực hiện	143.541.843	0	0	-143.541.843	0
II	Chi phí xây dựng	8.355.369.375	8.315.561.000	8.300.397.000	-54.972.375	-15.164.000
III	Chi phí quản lý dự án	219.267.382	219.267.000	219.267.000	-382	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.027.375.062	1.021.967.000	1.021.967.000	-5.408.062	0
1	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	250.264.000	249.655.000	249.655.000	-609.000	0
2	Lập nhiệm vụ KS, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	5.441.000	5.423.000	5.423.000	-18.000	0
3	Khảo sát lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	59.347.000	59.347.000	59.347.000	0	0
4	Lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	133.692.000	133.692.000	133.692.000	0	0
5	Lập nhiệm vụ KS, lập thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	1.785.000	1.780.000	1.780.000	-5.000	0
6	Giám sát khảo sát thiết kế bản vẽ thi công và dự toán	4.108.000	2.422.000	2.422.000	-1.686.000	0
7	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	20.000.000	19.847.000	19.847.000	-153.000	0
8	Lập HSMT&DGHSĐT	35.115.194	33.764.000	33.764.000	-1.351.194	0

STT	CƠ CẤU	Giá trị dự toán được duyệt/hợp đồng	Giá trị Chủ đầu tư đề nghị	Giá trị quyết toán	Trong đó	
					Tăng (+), giảm (-) so với dự toán	Tăng (+), giảm (-) so với số đơn vị
1	2	3	4	5	6	7
9	Giám sát thi công xây dựng công trình	267.622.868	266.347.000	266.347.000	-1.275.868	0
10	Đo vẽ bản đồ địa chính và cắm cọc GPMB	250.000.000	249.690.000	249.690.000	-310.000	0
V	Chi phí khác	521.958.738	422.412.000	433.814.000	-88.144.738	11.402.000
1	Chi phí HMC	334.214.456	332.622.000	332.622.000	-1.592.456	0
-	Nhà tạm để ở và điều hành công trình	167.107.228	166.311.000	166.311.000	-796.228	0
-	Một số công tác không tính được từ thiết kế	167.107.228	166.311.000	166.311.000	-796.228	0
2	Thẩm định HSMT	5.074.000	5.074.000	5.074.000	0	0
3	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	5.074.000	5.074.000	5.074.000	0	0
4	Thẩm tra thiết kế	9.670.000	9.537.000	9.537.000	-133.000	0
5	Thẩm tra dự toán	9.404.000	9.537.000	9.537.000	133.000	0
6	Bảo hiểm công trình	30.447.000	30.447.000	30.447.000	0	0
7	Thẩm định dự án	2.850.000	2.850.000	2.850.000	0	0
8	Kiểm toán dự án hoàn thành	89.953.627	0	0	-89.953.627	0
9	Kiểm tra công tác nghiệm thu	8.000.000	0	0	-8.000.000	0
10	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	27.271.655	27.271.000	38.673.000	11.401.345	11.402.000
VI	Dự phòng	2.019.678.449	0	0	-2.019.678.449	0
VII	Tổng cộng	15.000.000.000	12.692.015.000	12.688.253.000	-2.311.747.000	-3.762.000

Phụ lục số II
BẢNG CÔNG NỢ

DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀO ĐẬP TRÀN VỰC BÀ, HUYỆN BÌNH SƠN

(Kèm theo Quyết định số 1436/QĐ-UBND ngày 19/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

ST T	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
I						
1	Các tổ chức và hộ dân	Chi phí BT, HT GPMB	2.712.808.000	2.712.808.000	0	0
2	Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Bình Sơn	Bồi thường HT trực tiếp Phục vụ bồi thường	2.633.795.000 79.013.000	2.633.795.000 79.013.000	0 0	0 0
II						
1	Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Trung Minh (Thành viên đứng đầu liên danh)	Chi phí xây dựng + HMC	8.633.019.000	8.158.236.000	0	474.783.000
2	Công ty TNHH Một thành viên 19/5	Gói thầu số 6: toàn bộ khối lượng xây lắp	4.852.028.000	4.377.295.000	0	474.733.000
III						
1	Ban Quản lý dự án DTXD huyện Bình Sơn	Chi phí quản lý dự án	219.267.000	220.000.000	-733.000	0
IV						
1	Công ty TNHH MTV D-G-T	Quản lý dự án Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	219.267.000 1.021.967.000	220.000.000 999.337.000	-733.000 0	22.630.000
2	Công ty TNHH MTV D-G-T	Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi Lập nhiệm vụ KS, lập báo cáo nghiên cứu khả thi	249.655.000 5.423.000	249.655.000 5.423.000	0 0	0 0



ST T	Đơn vị	Nội dung	Giá trị quyết toán	Số thanh toán	Công nợ đến thời điểm thẩm tra	
					Phải thu (-)	Phải trả (+)
3	Công ty TNHH MTV D-G-T	Chi phí khảo sát bước thiết kế BVTC và lập thiết kế BVTC + dự toán	193.039.000	193.039.000	0	0
4	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Huy Hoàng	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát thiết kế BVTC	1.780.000	1.780.000	0	0
5	Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Bình Sơn	Chi phí giám sát khảo sát thiết kế BVTC	2.422.000	0	0	2.422.000
6	Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Châu Trung	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSĐT	33.764.000	33.764.000	0	0
7	Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Đông Thuận Phát	Giám sát thi công xây dựng	266.347.000	246.139.000	0	20.208.000
8	Công ty TNHH dịch vụ môi trường Thảo Nguyên Xanh	Chi phí lập kế hoạch bảo vệ môi trường	19.847.000	19.847.000	0	0
9	Công ty TNHH Cung ứng Dịch vụ Trắc địa Bình Tiến	Chi phí tư vấn đo vẽ bản đồ địa chính	249.690.000	249.690.000	0	0
V		Chi phí khác	101.192.000	109.619.000	-8.427.000	0
1	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Bình Sơn	Chi phí thẩm định HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu	10.148.000	10.148.000	0	0
2	Sở Giao thông vận tải tỉnh Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC và dự toán	19.074.000	19.074.000	0	0
3	Công ty Bảo hiểm PVI Nam Trung Bộ	Chi phí bảo hiểm công trình	30.447.000	30.447.000	0	0
4	Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Bình Sơn	Lệ phí thẩm định BCNCKT	2.850.000	2.850.000	0	0
5	Sở Tài chính Quảng Ngãi	Chi phí thẩm tra phê duyệt quyết toán	38.673.000	47.100.000	-8.427.000	0
VI	Tổng cộng		12.688.253.000	12.200.000.000	-9.160.000	497.413.000